

Bản án số: **368/2022/DS-ST**

Ngày: 27-9-2022

V/v: "Đòi tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh;
2. Ông Hồ Lê Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Hiền – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2021 về “Đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 589/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 726/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Đầu tư và Công nghệ B; trụ sở: Số 47C, ngõ 112, phố N, phường G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Kim B, sinh năm 1961; Địa chỉ: 1664 đường V, ấp 6, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (*Văn bản ủy quyền ngày 14/3/2021*).

- *Bị đơn:* Ông Trần Thanh T; Địa chỉ: 143A P, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(*Tại phiên tòa: Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2021, Đơn sửa đổi đơn kiện đề ngày 11/8/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH Đầu tư và Công nghệ B do ông Nguyễn Kim B làm người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Trần Thanh T đã nhiều lần mua hàng hóa của Công ty TNHH Đầu tư và Công nghệ B. việc mua bán giữa hai bên chấm dứt từ tháng 8/2016.

Ngày 09/11/2016, ông Trần Thanh T và Công ty TNHH Đầu tư và Công nghệ B đã đối chiếu và chốt công nợ. Hai bên đã lập biên bản và thống nhất về công nợ. Ông Trần Thanh T đã xác nhận còn nợ Công ty TNHH Đầu tư và Công nghệ B số tiền là: 1.422.851.760 (một tỷ bốn trăm, hai mươi triệu, tám trăm năm mươi một nghìn, bảy trăm sáu mươi) đồng. Trong đó: Tiền nợ gốc là: 1.255.915.000 đồng; tiền nợ lãi theo thỏa thuận từ ngày 25/02/2016 đến ngày 25/11/2016 là: 166.936.760 đồng. Mặc dù ông Tuấn ký biên bản cam kết trả số tiền gốc và lãi nói trên nhưng đến nay vẫn chưa trả số tiền còn thiếu cho Công ty TNHH Đầu tư và Công nghệ B.

Nay Công ty TNHH Đầu tư và Công nghệ B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận T giải quyết buộc ông Trần Thanh T phải thanh toán một lần cả gốc và lãi chậm trả cho Công ty TNHH Đầu tư và Công nghệ B tổng số tiền là 2.338.826.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Tiền nợ gốc: 1.422.851.760 đồng;

+ Tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 09/11/2016 đến ngày 14/3/2021 làm tròn là 51 tháng tương ứng với số tiền là 945.974.928 đồng. Cách tính lãi theo thỏa thuận tại Công văn đối chiếu và chốt công nợ số 03GD/CN ngày 09/11/2016 giữa các bên (Cách tính như sau: Đối với số tiền gốc là 1.255.915.000 đồng thì tiền lãi từ ngày 25/02/2016 đến ngày 25/11/2016 (09 tháng) là 166.936.760 đồng, tương ứng mỗi tháng số tiền lãi sẽ là $166.936.760 \text{ đồng} / 09 \text{ tháng} = 18.548.528 \text{ đồng}$).

Yêu cầu bị đơn thanh toán một lần ngày sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Lãi suất sau ngày 14/3/2021 sẽ được tính theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không cung cấp được hợp đồng mua bán với bị đơn mà chỉ cung cấp cho Tòa án Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ không ghi ngày tháng năm 2016 và Công văn đối chiếu và chốt công nợ số 03GD/CN ngày 09/11/2016.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Tuấn nhưng ông Tuấn không có bản trình bày ý kiến của mình về vụ án cũng như vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có bản tự khai bổ sung ngày 23/9/2022 về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Nguyên đơn yêu cầu ông T thanh toán tổng số tiền là 1.422.851.760 đồng (theo Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ không ghi ngày tháng năm 2016 và Công văn đối chiếu và chốt công nợ số 03GD/CN ngày 09/11/2016 mà hai bên đã ký xác nhận), trong đó gồm:

+ Số tiền nợ gốc là 1.255.915.000 đồng;

+ Tiền nợ lãi từ ngày 25/02/2016 đến ngày 25/11/2016 là: 09 tháng x 18.548.528 đồng (lãi suất theo thỏa thuận giữa các bên tại Công văn đối chiếu và chốt công nợ số 03GD/CN ngày 09/11/2016) = 166.936.752 đồng.

Yêu cầu bị đơn thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

+ Về tiền lãi suất chậm trả từ ngày 26/11/2016 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, nguyên đơn xin rút yêu cầu này.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ *Về việc tuân theo pháp luật:* Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án theo quy định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, Từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án:* Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, thể hiện: Bị đơn có nợ nguyên đơn số tiền 1.422.851.760 đồng từ năm 2016. Ngày 09/11/2016, hai bên đã đối chiếu lập biên bản và chốt công nợ. Theo đó, ông T ký xác nhận còn nợ nguyên đơn tổng số tiền là 1.422.851.760 đồng, gồm: Tiền nợ gốc là 1.255.915.000 đồng và nợ lãi theo thỏa thuận từ ngày 25/02/2016 đến ngày 25/11/2016 là 166.936.752 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 1.422.851.760 đồng, yêu cầu thanh toán một lần là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 166, Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với việc nguyên đơn rút yêu cầu tiền lãi suất chậm trả từ ngày 26/11/2016 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, xét đây là ý kiến tự nguyện của nguyên đơn không trái quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và nghe ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

- *Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Xét đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2021, Đơn sửa đổi đơn kiện đề ngày 11/8/2022, Hội đồng xét xử xác định giữa nguyên đơn là Công ty TNHH Đầu tư và Công nghệ B với bị đơn là ông Trần Thanh T có phát sinh quan hệ pháp luật là quan hệ hợp đồng dân sự tranh chấp về “Đòi tài sản”. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án. Bị đơn cư trú tại quận T nên Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự:* Ngày 23/9/2022, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Kim B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Toà án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu của các đương sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn không có mặt để trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ, mặc dù đã được Tòa án thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ, yêu cầu của phía nguyên đơn để xem xét giải quyết vụ án.

- *Về yêu cầu thanh toán số tiền gốc 1.255.915.000 đồng:* Xét Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ không ghi ngày tháng năm 2016 và Công văn đối chiếu và chốt công nợ số 03GD/CN ngày 09/11/2016 và lời trình bày của nguyên đơn, thể hiện: Bị đơn xác nhận có nợ nguyên đơn số tiền gốc là 1.255.915.000 đồng. Tuy nhiên, đến hạn thanh toán, bị đơn đã không trả, do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc còn nợ là 1.255.915.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

- *Về yêu cầu thanh toán số tiền lãi từ ngày 25/02/2016 đến ngày 25/11/2016 là 166.936.760 đồng:* Xét Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ không ghi ngày tháng năm 2016 và Công văn đối chiếu và chốt công nợ số 03GD/CN ngày 09/11/2016, thì nợ lãi theo thỏa thuận giữa các bên từ ngày 25/02/2016 đến ngày 25/11/2016 (09 tháng) là: 166.936.760 đồng, tương ứng mỗi tháng số tiền lãi sẽ là 166.936.760 đồng/09 tháng = 18.548.528 đồng, so sánh với công thức tính lãi suất theo quy định của pháp luật (20%/năm) thì lãi suất tiền chậm trả sẽ là: (1.255.915.000 đồng x 20%) : 12 tháng = 20.931.916 đồng. Như vậy, lãi suất hai bên thỏa thuận nhỏ hơn lãi suất quy định của pháp luật (18.548.528 đồng < 20.931.916 đồng) nên căn cứ Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 có cơ sở chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn đối với việc rút yêu cầu tiền lãi suất chậm trả từ ngày 26/11/2016 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

- *Về thời hạn và phương thức thanh toán:* Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là 1.422.851.760 đồng tương ứng với số tiền án phí bị đơn phải chịu là 54.685.553 đồng.

Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 40.370.031 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0072094 ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 166, Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Đầu tư và Công nghệ B.

Buộc ông Trần Thanh T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Đầu tư và Công nghệ B số tiền là 1.422.851.760 (Một tỷ bốn trăm hai mươi hai triệu tám trăm năm mươi một nghìn bảy trăm sáu mươi) đồng. Trong đó bao gồm tiền gốc là 1.255.915.000 (Một tỷ hai trăm năm mươi lăm triệu chín trăm mười lăm nghìn) đồng và tiền lãi tính từ ngày 25/02/2016 đến ngày 25/11/2016 là 166.936.760 (Một trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn bảy trăm sáu mươi) đồng.

Thời hạn thanh toán: Một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 28/9/2022 cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành chưa thi hành khoản tiền nêu trên phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 54.685.553 (Năm mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi ba) đồng.

- Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 40.370.031 (Bốn mươi triệu ba trăm bảy mươi nghìn không trăm ba mươi một) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0072094 ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Về quyền kháng cáo:

Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Lưu VP, hồ sơ (Oanh)/.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Chính